

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Kèm theo Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi số: RDT2025/ ngày tháng 7 năm 2025
và Giấy rút dự toán số: RDT2025/ 097,098 ngày 07 tháng 7 năm 2025

Mẫu số 09

Mã hiệu:

Số:

Tài khoản dự toán

Tài khoản tiền gửi:

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Trung học Phổ thông Tiêu La

2. Mã đơn vị: 1009977

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: Tài khoản: 8670 034 642, mở tại NH BIDV CN Quảng Nam

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Tiền lương và phụ cấp tháng 7 năm 2025

(Đơn vị: Đồng)

TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoản	Tiền học bổng	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng số			1.060.233.244	1.060.233.244	0	0	0	0	0	0	
I.	Đối với công chức, viên chức			1.060.233.244	1.060.233.244	0	0	0	0	0	0	
1	Bùi Cao Vân	8800044099	BIDV CN Quảng Nam	19.616.730	19.616.730							
2	Nguyễn Tấn Lương	8813386876	BIDV CN Quảng Nam	20.322.461	20.322.461							
3	Nguyễn Việt Trung	8843386877	BIDV CN Quảng Nam	18.843.746	18.843.746							
4	Lê Văn Đức	8863386878	BIDV CN Quảng Nam	18.292.511	18.292.511							
5	Liên Thị Thu	8883386879	BIDV CN Quảng Nam	16.263.735	16.263.735							
6	Phan Thị Tình	8863386880	BIDV CN Quảng Nam	16.532.977	16.532.977							
7	Võ Thị Thúy Nga	8893386881	BIDV CN Quảng Nam	16.665.772	16.665.772							
8	Nguyễn Thị Dương	8813386882	BIDV CN Quảng Nam	15.242.975	15.242.975							
9	Phạm Thị Bích Nga	8833386883	BIDV CN Quảng Nam	11.230.926	11.230.926							
10	Nguyễn Thị Toàn	8863386884	BIDV CN Quảng Nam	11.230.926	11.230.926							
11	Nguyễn Thị Vân	8883386885	BIDV CN Quảng Nam	13.862.902	13.862.902							
12	Nguyễn Hữu Phúc	8833386887	BIDV CN Quảng Nam	15.144.962	15.144.962							
13	Hồ Trần Thị Bảo Chuyên	8844078483	BIDV CN Quảng Nam	12.410.676	12.410.676							
14	Ngô Thị Lành	8873386889	BIDV CN Quảng Nam	11.460.880	11.460.880							
15	Cao Thị Cúc	5625592359	BIDV CN Quảng Nam	15.047.879	15.047.879							
16	Trần Ngọc Nhô	8853386890	BIDV CN Quảng Nam	18.136.673	18.136.673							
17	Nông Thị Oanh	8883386891	BIDV CN Quảng Nam	9.939.341	9.939.341							
18	Nguyễn Thị Thanh Cúc	8803386892	BIDV CN Quảng Nam	16.532.977	16.532.977							
19	Trương Thị Hương	8823386893	BIDV CN Quảng Nam	18.624.499	18.624.499							
20	Nguyễn Thị Thu Hà	8853386894	BIDV CN Quảng Nam	16.560.639	16.560.639							
21	Nguyễn Việt Quang	8800048099	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							
22	Huỳnh Văn Chung	8873386895	BIDV CN Quảng Nam	14.278.150	14.278.150							
23	Nguyễn Thị Nga	8893386896	BIDV CN Quảng Nam	17.794.530	17.794.530							
24	Nguyễn Văn Thông	8875586426	BIDV CN Quảng Nam	13.772.009	13.772.009							
25	Nguyễn Văn Phú	8843386898	BIDV CN Quảng Nam	17.495.741	17.495.741							
26	Phan Thị Phụ	8863386899	BIDV CN Quảng Nam	15.242.975	15.242.975							
27	Nguyễn Tiên Vinh	8813386900	BIDV CN Quảng Nam	16.350.371	16.350.371							

Thanh

TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:						Ghi chú	
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán		Tiền học bổng
28	Nguyễn Thị Kim Nguyệt	8843386901	BIDV CN Quảng Nam	12.525.552	12.525.552							
29	Nguyễn Đức Hiền	8863386902	BIDV CN Quảng Nam	15.144.962	15.144.962							
30	Hồ Thị Hoài Hương	8883386903	BIDV CN Quảng Nam	15.731.532	15.731.532							
31	Mai Thị Trúc Hà	8842927965	BIDV CN Quảng Nam	12.274.236	12.274.236							
32	Hồ Thị Thu Thủy	8813386904	BIDV CN Quảng Nam	16.665.772	16.665.772							
33	Đình Văn Tú	8833386905	BIDV CN Quảng Nam	15.363.456	15.363.456							
34	Trương Minh Hà	8803341317	BIDV CN Quảng Nam	13.799.017	13.799.017							
35	Nguyễn Thông	8853386906	BIDV CN Quảng Nam	15.242.975	15.242.975							
36	Hoàng Thị Kim Thi	8883386907	BIDV CN Quảng Nam	12.525.552	12.525.552							
37	Nguyễn Thủy Diệu Anh	8803386908	BIDV CN Quảng Nam	7.128.342	7.128.342							
38	Đỗ Quốc Thiên Trang	8823386909	BIDV CN Quảng Nam	9.394.164	9.394.164							
39	Văn Thị Bé	8803386910	BIDV CN Quảng Nam	16.665.772	16.665.772							
40	Phan Thị May	8833386911	BIDV CN Quảng Nam	18.292.511	18.292.511							
41	Trương Thị Hồng Minh	8853386912	BIDV CN Quảng Nam	16.560.639	16.560.639							
42	Trần Thị Thu Thảo	8873386913	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							
43	Đoàn Thị Kim Hoa	8803386914	BIDV CN Quảng Nam	12.190.464	12.190.464							
44	Nguyễn Ngọc Đình	8823386915	BIDV CN Quảng Nam	12.441.780	12.441.780							
45	Phan Châu Niêm	8843386916	BIDV CN Quảng Nam	20.376.310	20.376.310							
46	Hồ Xuân Sơn	8833333793	BIDV CN Quảng Nam	15.731.532	15.731.532							
47	Vương Chí Sĩ	8873386917	BIDV CN Quảng Nam	16.560.639	16.560.639							
48	Nguyễn Tuy	8893386918	BIDV CN Quảng Nam	15.242.975	15.242.975							
49	Phan Thị Lệ Mỹ	8813386919	BIDV CN Quảng Nam	12.358.008	12.358.008							
50	Nguyễn Phúc Hường	8893386920	BIDV CN Quảng Nam	20.250.776	20.250.776							
51	Lê Văn Hiền	8823386921	BIDV CN Quảng Nam	16.950.162	16.950.162							
52	Phan Văn Nghĩa	8843386922	BIDV CN Quảng Nam	15.633.821	15.633.821							
53	Đoàn Thị Phương	8863386923	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							
54	Trần Thị Ngọc Phượng	5621023680	BIDV CN Quảng Nam	13.862.902	13.862.902							
55	Đỗ Thị Thuận	8893386924	BIDV CN Quảng Nam	15.242.975	15.242.975							
56	Dương Thị Như Trang	8813386925	BIDV CN Quảng Nam	12.494.238	12.494.238							
57	Lê Hồng Sa	8833386926	BIDV CN Quảng Nam	12.410.676	12.410.676							
58	Nguyễn Thị Thanh	8863386927	BIDV CN Quảng Nam	9.350.874	9.350.874							
59	Phan Thị Thanh Vân	8883386928	BIDV CN Quảng Nam	12.410.676	12.410.676							
60	Nguyễn Xuân Tinh	8803386929	BIDV CN Quảng Nam	11.230.926	11.230.926							
61	Dương Hồng Hải	8883386930	BIDV CN Quảng Nam	12.734.520	12.734.520							
62	Nguyễn Thị Xuân Đào	8813386931	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							
63	Trần Thị Phương Duyên	8833386932	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							
64	Dương Thị Ngọc Hà	8853386933	BIDV CN Quảng Nam	17.866.632	17.866.632							
65	Phạm Thị Sen	8883386934	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							
66	Phạm Thị Xuân Hiếu	8803386935	BIDV CN Quảng Nam	13.799.017	13.799.017							
67	Bùi Quốc Công	8823386936	BIDV CN Quảng Nam	16.838.928	16.838.928							
68	Châu Thị Hiền	8853386937	BIDV CN Quảng Nam	16.428.681	16.428.681							
69	Nguyễn Thị Ngọc Phẩm	8873386938	BIDV CN Quảng Nam	15.145.264	15.145.264							
70	Dương Quốc Huy	8807445999	BIDV CN Quảng Nam	9.113.832	9.113.832							
71	Lê Thị Linh	8893386939	BIDV CN Quảng Nam	4.900.662	4.900.662							

Handwritten signature

TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:						Ghi chú	
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán		Tiền học bổng
72	Trần Thị Bích Thảo	8873386940	BIDV CN Quảng Nam	8.367.138	8.367.138							
73	Nguyễn Hồ Công Huy	8803386941	BIDV CN Quảng Nam	5.214.807	5.214.807							

Số tiền ghi bằng chữ: Một tỷ, sáu mươi triệu, hai trăm ba mươi ba ngàn, hai trăm bốn mươi bốn đồng chẵn

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

4.907.955 đồng

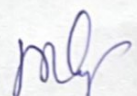
TT	Họ tên	Số tiền	Phần tăng	Họ tên	Phần giảm	Số tiền
1	Bùi Cao Vân	132.271	Tăng 0,04 do chuyển lên hạng 2	Thái Ngọc đối	Giảm do nghỉ hưu	20.685.875
2	Nguyễn Việt Trung	702.000	Tăng 0,3 cấp ủy chỉ bộ	Vương Chí Sĩ	Giảm thôi cấp ủy chỉ bộ	702.000
3	Lê Văn Đức	1.261.552	Tăng 0,38 do chuyển lên hạng 2	Dương Thị Như Trang	Giảm thôi cấp ủy chỉ bộ	702.000
4	Liên Thị Thu	98.968	Tăng 0,03 do chuyển lên hạng 2			
5	Võ Thị Thúy Nga	132.795	Tăng 0,04 do chuyển lên hạng 2			
6	Nguyễn Thị Dương	97.711	Tăng 0,03 do chuyển lên hạng 2			
7	Nguyễn Thị Vân	63.885	Tăng 0,02 do chuyển lên hạng 2			
8	Nguyễn Hữu Phúc	194.468	Tăng 0,03 do chuyển lên hạng 2 và 1% PCTNNG			
9	Nông Thị Oanh	69.740	Tăng 1% PCTNNG			
10	Nguyễn Thị Thu Hà	131.958	Tăng 0,04 do chuyển lên hạng 2			
11	Nguyễn Thị Nga	434.904	Tăng 0,13 do chuyển lên hạng 2			
12	Nguyễn Văn Thông	13.772.009	Chuyển đến từ Trường THPT Võ Chí Công			
13	Nguyễn Văn Phú	132.795	Tăng 0,04 do chuyển lên hạng 2			
14	Nguyễn Tiến Vinh	1.205.107	Tăng 0,37 do chuyển lên hạng 2			
15	Nguyễn Thị Kim Nguyệt	31.314	Tăng 0,01 do chuyển lên hạng 2			
16	Nguyễn Đức Hiền	97.083	Tăng 0,03 do chuyển lên hạng 2			
17	Hồ Thị Hoài Hương	97.711	Tăng 0,03 do chuyển lên hạng 2			
18	Mai Thị Trúc Hà	1.043.310	Tăng 0,34 do chuyển lên hạng 2			
19	Đình Văn Tú	63.884	Tăng 0,02 do chuyển lên hạng 2			
20	Nguyễn Thống	97.711	Tăng 0,03 do chuyển lên hạng 2			
21	Hoàng Thị Kim Thi	31.314	Tăng 0,01 do chuyển lên hạng 2			
22	Văn Thị Bé	132.795	Tăng 0,04 do chuyển lên hạng 2			
24	Phan Thị May	1.128.757	Tăng 0,34 do nâng lương			
25	Trương Thị Hồng Minh	131.958	Tăng 0,04 do chuyển lên hạng 2			
26	Đoàn Thị Kim Hoa	1.036.189	Tăng 0,34 do chuyển lên hạng 2			
27	Nguyễn Ngọc Đính	114.667	Tăng 0,01 do chuyển lên hạng 2 và 1% PCTNNG			
28	Phan Châu Niêm	589.714	Tăng 0,18 do chuyển lên hạng 2			
29	Hồ Xuân Sơn	97.711	Tăng 0,03 do chuyển lên hạng 2			
30	Vương Chí Sĩ	132.795	Tăng 0,04 do chuyển lên hạng 2			

Thanh

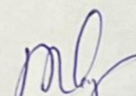
TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:						Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thưởng xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	
31	Nguyễn Tuy	97.711	Tăng 0,03 do chuyển lên hạng 2								
32	Phan Thị Lệ Mỹ	1.050.431	Tăng 0,34 do chuyển lên hạng 2 và 1% PCTNNG								
33	Trần Thị Ngọc Phượng	63.885	Tăng 0,02 do chuyển lên hạng 2								
35	Đỗ Thị Thuận	97.711	Tăng 0,03 do chuyển lên hạng 2								
36	Lê Hồng Sa	83.563	Tăng 1% PCTNNG								
37	Phan Thị Thanh Vân	83.563	Tăng 1% PCTNNG								
38	Dương Hồng Hải	1.043.310	Tăng 0,34 do chuyển lên hạng 2								
39	Dương Thị Ngọc Hà	832.281	Tăng 0,04 do chuyển lên hạng 2 và 0,3 cấp ùy								
40	Phạm Thị Xuân Hiếu	90.473	Tăng 0,1 % PCTNNG								
41	Bùi Quốc Công	130.282	Tăng 0,04 do chuyển lên hạng 2								
42	Lê Thị Linh	167.544	Tăng 0,24 do chuyển lên hạng văn thư viên								
Cộng		26.997.830			Cộng						22.089.875

Thăng Bình, ngày 07 tháng 7 năm 2025

Người lập


Dương Quốc Huy

Kế toán trưởng


Dương Quốc Huy

Phụ trưởng đơn vị



Bùi Cao Vân

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Thăng Bình, ngày tháng năm 2025

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên